NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/2024/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 1 như sau:

"đ) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;"

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

"3. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, ngân hàng không phải tuân thủ quy định tại các điều 136, 137, 138 và khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan tại Thông tư này."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:

"4. Ngân hàng hỗ trợ, ngân hàng là bên nhận chuyển giao bắt buộc không bị hạn chế tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định liên quan tại Thông tư này."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 như sau:

"11. *Cấp tín dụng* là việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phát hành thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả việc cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu rủi ro theo quy định của pháp luật."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 3 như sau:

"12. *Tổng mức dư nợ cấp tín dụng* bao gồm tổng số dư nợ cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, tổng mức đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (trừ trái phiếu đặc biệt, trái phiếu phát hành trực tiếp cho tổ chức tín dụng bán nợ để mua nợ xấu theo giá trị thị trường của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam), các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (bao gồm cả dư nợ cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu rủi ro theo quy định của pháp luật); hạn mức cho vay chưa giải ngân, hạn mức thẻ tín dụng, số dư bảo lãnh ngân hàng, số dư phát hành thư tín dụng, số dư xác nhận thư tín dụng, số dư thương lượng thanh toán thư tín dụng, số dư cam kết hoàn trả thư tín dụng và số dư các khoản ủy thác cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác cấp tín dụng."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 3 như sau:

"13. *Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp* là việc mua, nắm giữ hoặc ủy thác cho tổ chức khác (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác)

mua, nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp. Việc nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp nhận làm tài sản bảo đảm, chiết khấu, tái chiết khấu."

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

"1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành Quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan, trong đó tối thiểu phải có nội dung sau:

a) Tiêu chí xác định một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng; chính sách tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan; quy định về nguyên tắc phân cấp, ủy quyền việc quyết định, phê duyệt cấp tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan;

b) Quy định về việc phân tán rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng; phương pháp theo dõi, quản lý và việc phê duyệt, quyết định cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan ở mức từ 1% vốn tự có của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trở lên. Các quy định này phải đảm bảo công khai, minh bạch giữa khâu thẩm định, cấp tín dụng và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa người thẩm định, người quyết định cấp tín dụng và khách hàng là người có liên quan của những người này;

c) Nguyên tắc, chỉ tiêu đánh giá, xác định mức độ rủi ro cấp tín dụng đối với các đối tượng khách hàng, lĩnh vực mà ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ưu tiên hoặc hạn chế cấp tín dụng làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh hằng năm;

d) Việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm gia hạn nợ và điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) phải được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch, không xung đột lợi ích và không che giấu chất lượng tín dụng, trong đó người quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là người quyết định khoản cấp tín dụng đó, trừ trường hợp việc cấp tín dụng do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc, ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) thông qua. Trường hợp việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ

cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện thông qua cơ chế hội đồng thì chủ tịch Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là chủ tịch Hội đồng xét duyệt cấp tín dụng và ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là thành viên của Hội đồng xét duyệt cấp tín dụng;

đ) Quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp; cấp tín dụng để kinh doanh bất động sản; cấp tín dụng cho dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

e) Quy định về cấp tín dụng đối với Giám đốc, Phó giám đốc của chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các chức danh tương đương của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bảo đảm các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, d và điểm đ khoản này. Việc xác định các chức danh tương đương thực hiện theo quy định nội bộ của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài."

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"**Điều 10. Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng**

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ vốn tự có được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này tại cuối ngày làm việc gần nhất để xác định hạn chế, giới hạn cấp tín dụng theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Vốn tự có được xác định như sau:

a) Đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo Thông tư này, ngân hàng sử dụng vốn tự có riêng lẻ, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng vốn tự có theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

b) Đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng vốn tự có theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN."

9. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 11 như sau:

"e) Để đầu tư trái phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán;"

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"**Điều 13. Quản lý cấp tín dụng**

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quản lý hoạt động cấp tín dụng theo quy định của pháp luật và Quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý

khoản cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của ngân hàng, Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua các khoản cấp tín dụng cho người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng có tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên hoặc mức khác thấp hơn theo quy định nội bộ của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b) Các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định nội bộ của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo cho:

a) Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phát sinh đến thời điểm lấy số liệu để họp Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên;

b) Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, người quản lý, người điều hành khi phát sinh khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Ngân hàng Nhà nước về các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng.”

11. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

“Điều 15a. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng chi trả

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nguy cơ mất khả năng chi trả khi thiếu hụt tài sản có tính thanh khoản cao ở mức 20% trở lên tại thời điểm tính toán tỷ lệ khả năng chi trả dẫn đến không duy trì được một trong các tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định tại Thông tư này trong thời gian 30 ngày liên tục.

2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả khi không có khả năng thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

3. Khi có nguy cơ mất, mất khả năng chi trả, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước."

12. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 3 Điều 16 như sau:

"i) Thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối (được xác định trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm tính tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn);"

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 17 như sau:

"4. Số dư mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh để xác định tỷ lệ tối đa quy định tại khoản 1 Điều này là giá mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thuộc sở hữu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các khoản ủy thác mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật, không bao gồm các khoản sau đây:

a) Khoản mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh bằng nguồn vốn ủy thác theo quy định của pháp luật mà ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không chịu rủi ro;

b) Khoản trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận làm tài sản bảo đảm, chiết khấu, tái chiết khấu."

14. Sửa đổi, bổ sung nội dung về cách xác định tại Mục 6 Phần A.I Phụ lục 1 như sau:

"Lấy số liệu Lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ. Đối với ngân hàng được chấp thuận hoãn, giãn trích lập dự phòng rủi ro, lợi nhuận chưa phân phối phải trừ đi chênh lệch dương giữa số dự phòng rủi ro phải trích theo quy định của pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài so với số dự phòng rủi ro đã trích."

15. Sửa đổi, bổ sung nội dung về cách xác định tại Mục 6 Phần B Phụ lục 1 như sau:

"Lấy số liệu Lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chấp thuận hoãn, giãn trích lập dự phòng rủi ro, lợi nhuận chưa phân phối phải trừ đi chênh lệch dương giữa số dự phòng rủi ro phải trích theo quy định của pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài so với số dự phòng rủi ro đã trích."

16. Bãi bỏ các khoản 4, 9, 14, 15 Điều 3 và Điều 18.

17. Thay thế cụm từ "Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)" bằng cụm từ "Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng" tại các điểm c, d khoản 2 Điều 11, các điểm d, đ khoản 2 Điều 12.

18. Thay thế cụm từ "Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)" bằng cụm từ "Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng" tại điểm đ khoản 2 Điều 11, điểm e khoản 2 Điều 12.

19. Thay thế cụm từ "mua, đầu tư" bằng cụm từ "mua, nắm giữ, đầu tư" tại tên Mục 6, tên Điều 17, các khoản 1, 5 Điều 17.

20. Thay thế cụm từ "cổ phiếu" bằng cụm từ "cổ phần" tại Điều 19.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 23/2020/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 1 như sau:

"đ) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;"

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

"3. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không phải tuân thủ quy định tại các điều 136, 137, 138 và khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan tại Thông tư này."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:

"4. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng hỗ trợ, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là bên nhận chuyển giao bắt buộc không bị hạn chế về tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định liên quan tại Thông tư này."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

"1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;"

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 3 như sau:

"12. *Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp* là việc mua, nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp nhận làm tài sản bảo đảm, chiết khấu, tái chiết khấu)."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

"1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải ban hành Quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan, trong đó tối thiểu phải có nội dung sau:

a) Tiêu chí xác định một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng; chính sách tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan; quy định về nguyên tắc phân cấp, ủy quyền việc quyết định, phê duyệt cấp tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan;

b) Quy định về việc phân tán rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng; phương pháp theo dõi, quản lý và việc phê duyệt, quyết định cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan ở mức từ 1% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trở lên. Các quy định này phải đảm bảo công khai, minh bạch giữa khâu thẩm định, cấp tín dụng và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa người thẩm định, người quyết định cấp tín dụng và khách hàng là người có liên quan của những người này;

c) Nguyên tắc, chỉ tiêu đánh giá, xác định mức độ rủi ro cấp tín dụng đối với các đối tượng khách hàng, lĩnh vực mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng ưu tiên hoặc hạn chế cấp tín dụng làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh hằng năm;

d) Việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm gia hạn nợ và điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) phải được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch, không xung đột lợi ích và không che giấu chất lượng tín dụng, trong đó người quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là người quyết định khoản cấp tín dụng đó, trừ trường hợp việc cấp tín dụng do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua. Trường hợp việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện thông qua cơ chế hội đồng thì ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là thành viên của Hội đồng xét duyệt cấp tín dụng;

đ) Quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp; cấp tín dụng để kinh doanh bất động sản; cấp tín dụng cho dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

e) Quy định về cấp tín dụng đối với Giám đốc, Phó giám đốc của chi nhánh, đơn vị sự nghiệp và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bảo đảm các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, d và điểm đ khoản này. Việc xác định các chức danh tương đương thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng căn cứ vốn tự có riêng lẻ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này tại cuối ngày làm việc gần nhất để xác định hạn chế, giới hạn cấp tín dụng theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 11 như sau:

“e) Để đầu tư trái phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán;”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"**Điều 13. Quản lý cấp tín dụng**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng quản lý hoạt động cấp tín dụng theo quy định của pháp luật và Quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua các khoản cấp tín dụng cho người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng có tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đó có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên hoặc mức khác thấp hơn theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

b) Các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải báo cáo cho:

a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phát sinh đến thời điểm lấy số liệu để họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên;

b) Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, người quản lý, người điều hành khi phát sinh khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Ngân hàng Nhà nước về các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng."

10. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

"Điều 15a. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng chi trả

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả khi thiếu hụt tài sản có tính thanh khoản cao ở mức 20% trở lên tại thời điểm tính toán tỷ lệ khả năng chi trả dẫn đến không duy trì được một trong các tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định tại Thông tư này trong thời gian 30 ngày liên tục.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng mất khả năng chi trả khi không có khả năng thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

3. Khi có nguy cơ mất, mất khả năng chi trả, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước."

11. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 Điều 16 như sau:

"g) Thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối (được xác định trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm tính tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn);"

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 17 như sau:

"4. Số dư mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh để xác định tỷ lệ tối đa quy định tại khoản 1 Điều này là giá mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các khoản ủy thác mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật, không bao gồm các khoản sau đây:

a) Khoản mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh bằng nguồn vốn ủy thác theo quy định của pháp luật mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng không chịu rủi ro;

b) Khoản trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được tổ chức tín dụng phi ngân hàng nhận làm tài sản bảo đảm, chiết khấu, tái chiết khấu."

13. Sửa đổi, bổ sung nội dung về cách xác định tại Mục 6 Phần I Phụ lục 1 như sau:

"Lấy số liệu Lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chấp thuận hoãn, giãn trích lập dự phòng rủi ro, lợi nhuận chưa phân phối phải trừ đi chênh lệch dương giữa số dự phòng rủi ro phải trích theo quy định của

pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài so với số dự phòng rủi ro đã trích."

14. Bãi bỏ các khoản 8, 13, 14, 18 Điều 3 và Điều 18.

15. Thay thế cụm từ "Công ty tài chính" bằng cụm từ "Tổ chức tín dụng phi ngân hàng" tại các khoản 16, 17 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 9, Điều 11, Điều 12.

16. Thay thế cụm từ "Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)" bằng cụm từ "Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng" tại các điểm c, d khoản 2 Điều 11, các điểm d, đ khoản 2 Điều 12.

17. Thay thế cụm từ "Điều 127 Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)" bằng cụm từ "Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng" tại điểm đ khoản 2 Điều 11, điểm e khoản 2 Điều 12.

18. Thay thế cụm từ "mua, đầu tư" bằng cụm từ "mua, nắm giữ, đầu tư" tại tên Mục 6, tên Điều 17, các khoản 1, 5 Điều 17.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt không phải tuân thủ quy định tại Chương V Thông tư này."

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Quy định chuyển tiếp đối với Thông tư số 22/2019/TT-NHNN: Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vượt giới hạn cấp tín dụng theo quy định tại Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng do tính cả số tiền ký quỹ của các khoản cấp tín dụng bằng nghiệp vụ thư tín dụng được thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng thì không bị xác định là vi phạm giới hạn cấp tín dụng. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được cấp tín dụng mới đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan có khoản cấp tín dụng nêu trên khi tuân thủ các quy định tại Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 12 Điều 3 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn